

- Số: 2309.23/KQTN-02 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 30/09/2023
- 1 Địa điểm lấy mẫu : VÙNG NUÔI CÁ TRA TRẠI CÒN BÀN
- 2 Địa chỉ : Ấp 1, xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre
- 3 Ngày lấy mẫu : 23/09/2023
- 4 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- 5 Loại mẫu : Nước thải
- 6 Ký hiệu và mô tả mẫu : 2309.23NT2A: Nước thải sau xử lý tại ao nuôi cá C4 –
(X: 10⁰18'28"; Y: 106⁰36'38")
2309.23NT2B: Nước thải sau xử lý tại ao nuôi cá C5
(X: 10⁰18'41"; Y: 106⁰36'32")
- 7 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích :

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A	Phương pháp đo đạc, phân tích
			2309.23 NT2A	2309.23 NT2B		
1.	pH ⁽¹⁾	-	6,89	6,75	6 – 9	TCVN 6492:2011
2.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	21	26	50	TCVN 6625:2000
3.	COD ⁽¹⁾	mg/L	37	42	75	SMEWW 5220C:2017
4.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	16	19	30	TCVN 6001-1:2008
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ N) ⁽¹⁾	mg/L	4,58	3,97	5	TCVN 6179 – 1:1996
6.	Tổng Nito ⁽¹⁾	mg/L	16,9	18,2	20	TCVN 6638:2000
7.	Tổng phosphor ⁽¹⁾	mg/L	0,97	1,23	4	SMEWW 4500-P. B&D:2017
8.	Tổng Coliform ⁽¹⁾	MPN /100mL	2,1×10 ³	2,4×10 ³	3.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp

PHÒNG THỬ NGHIỆM



HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HUYỀN

- Số: 2309.23/KQTN-02** **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 30/09/2023
- 1 Địa điểm lấy mẫu : VÙNG NUÔI CÁ TRA TRẠI CÒN BÀN
 - 2 Địa chỉ : Ấp 1, xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre
 - 3 Ngày lấy mẫu : 23/09/2023
 - 4 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
 - 5 Loại mẫu : Nước thải
 - 6 Ký hiệu và mô tả mẫu : 2309.23NT2C: Nước thải sau xử lý tại ao nuôi cá C9 –
(X: 10°18'46"; Y: 106°36'34")
2309.23NT2D: Nước thải sau xử lý tại ao nuôi cá C18
(X: 10°18'69"; Y: 106°36'23")
 - 7 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích :

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A	Phương pháp đo đạc, phân tích
			2309.23 NT2C	2309.23 NT2D		
1.	Lưu lượng	m ³ /ngày	-	339,1	-	HD/NT – Lưu lượng
2.	pH ⁽¹⁾	-	6,77	6,80	6 – 9	TCVN 6492:2011
3.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	18	20	50	TCVN 6625:2000
4.	COD ⁽¹⁾	mg/L	30	36	75	SMEWW 5220C:2017
5.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	14	18	30	TCVN 6001-1:2008
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ N) ⁽¹⁾	mg/L	4,14	3,26	5	TCVN 6179 – 1:1996
7.	Tổng Nitơ ⁽¹⁾	mg/L	14,9	16,0	20	TCVN 6638:2000
8.	Tổng phosphor ⁽¹⁾	mg/L	1,02	1,41	4	SMEWW 4500-P. B&D:2017
9.	Tổng Coliform ⁽¹⁾	MPN /100mL	2,4×10 ³	2,9×10 ³	3.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp

PHÒNG THỬ NGHIỆM



HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HUYỀN